TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/DS-ST
Ngày: 07-12-2022
V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

2. Bà **Võ Thị Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 02 và 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 522/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Kim L - sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tuấn K - sinh năm 1983 và chị Đào Thị B - sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Võ Văn Đ - sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2022).

(Bà L *và ông* Đ *đều có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà* Thái Kim L *trình bày như sau:*

Bà có cho vợ chồng anh Võ Tuấn K, chị Đào Thị B vay tiền theo hình thức Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, có công chứng tại Văn phòng C ngày 22/01/2020; số tiền vợ chồng anh K, chị B vay của bà là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, trả lãi hàng tháng; tài sản anh K, chị B thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CT 007600, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/9/2019 cho anh K đứng tên, diện tích đất lúa 3.125,1m^2, thuộc thửa số 215, tờ bản đồ số 7, tại xã M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 658777, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/12/2019 cho anh K đứng tên, diện tích 200m^2 đất ở và 112m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nhận số tiền vay này (ngày 22/01/2020, có làm giấy nhận tiền), thì vợ chồng anh K, chị B có trả lãi đủ theo thỏa thuận; Tiếp theo đến ngày 15/9/2020 thì vợ chồng anh K, chị B nhận vay thêm số tiền của bà là 820.000.000 đồng (có làm giấy nhận tiền), thỏa thuận tiếp tục thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký ngày 22/01/2020, lãi suất cũng bằng 0,8%/tháng nhưng không thể hiện trong biên nhận, hẹn 03 tháng trả vốn; nhưng từ ngày nhận thêm tiền vay này thì vợ chồng anh K, chị B không thực hiện việc trả lãi cho bà và đến hạn cũng không trả tiền vốn cho bà, nhiều lần bà đã nhắc nhở thì anh K, chị B hứa hẹn, rồi lại bỏ qua, không thực hiện, nhiều lúc có hành vi tránh mặt bà và mãi cho đến hôm nay vẫn chưa trả tiền lãi, tiền vốn vay này cho bà.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu vợ chồng anh Võ Tuấn K, chị Đào Thị B trả phải cho bà số tiền vốn vay của hai lần vay là 1.320.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,8%/tháng của số tiền 500.000.000 đồng kể từ ngày 15/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2022) làm tròn là 27 tháng với số tiền là 108.000.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 1.428.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu đồng).

Bà L tự nguyện rút lại yêu cầu về lãi suất đối với số tiền vay 820.000.000 đồng; ngoài ra, bà L không yêu cầu gì khác.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà L và anh K, chị B ngày 15/9/2020 thì bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết, tự bà và vợ chồng anh K, chị B sẽ tự thỏa thuận với nhau.

**** Bị đơn anh Võ Tuấn K trình bày tại Tòa án như sau:***

Anh thừa nhận từ trước năm 2020 anh và vợ anh là chị Đào Thị B có vay tiền của bà L nhiều lần, tổng số tiền là 430.000.000 đồng, tuy nhiên do không có tiền đóng lãi nên anh phải ký biên nhận với số tiền là 500.000.000 đồng, đồng thời có xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như bà L đã trình bày, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,8%/tháng. Đối với biên nhận đề ngày 15/9/2020 thì anh thừa nhận có ký tên nhưng đây là số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và số tiền lãi suất, bà L cộng dồn lên thành số tiền 820.000.000 đồng, đối với biên nhận này thì anh không đồng ý do anh bị bà L ép buộc anh ký chứ anh không tự nguyện, do anh không có tiền trả nợ cho bà L nên buộc lòng anh phải ký.

Nay anh chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 15/9/2020 đến nay. Anh không đồng ý trả số tiền 820.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L.

Việc anh cho rằng số tiền 820.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/9/2020 là do bà L cộng số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất thì anh không có gì để chứng minh.

**** Bị đơn chị Đào Thị B trình bày:*** Chị thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh K, chị chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 15/9/2020 đến nay. Chị không đồng ý trả số tiền 820.000.000 đồng và lãi suất như yêu cầu của bà L.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn Đ là đại diện theo ủy quyền của anh*** K ***và chị*** B ***trình bày như sau:***

Anh Võ Tuấn K và chị Đào Thị B là con ruột và con dâu của ông, việc con ông vay tiền của bà L thì ông đều có chứng kiến, ông thừa nhận vợ chồng anh K có vay tiền của bà L nhiều lần, với tổng số tiền là 470.000.000 đồng, tuy nhiên bà L cộng lãi suất của số tiền vay và nợ gốc mới có biên nhận với số tiền là 500.000.000 đồng, đồng thời vợ chồng K phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do K đứng tên cho bà L, việc thế chấp tài sản có xác lập hợp đồng, trong hợp đồng cũng có thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Ông khẳng định kể từ khi xác lập hợp đồng thế chấp tài sản để vay số tiền 500.000.000 đồng đến nay thì vợ chồng K không có vay thêm của bà L bất cứ số tiền nào nữa. Đồng thời, vợ chồng K đã đóng lãi cho bà L được 06 tháng với mức lãi suất là 0,8%/tháng.

Việc bà L xuất trình thêm biên nhận với số tiền 820.000.000 đồng thì ông không đồng ý, ông cho rằng biên nhận này do bà L kê khai từ khoảng nợ gốc 500.000.000 đồng đã vay ngày 22/01/2020 và cộng thêm tiền lãi chưa trả, đồng thời vợ chồng K cũng không yêu cầu bà L trả lại Biên nhận với số tiền 500.000.000 đồng đã vay ngày 22/01/2020. Nay ông không đồng ý việc bà L cho rằng vợ chồng có vay thêm của bà số tiền 820.000.000 đồng.

Nay ông đại diện cho vợ chồng anh K chỉ đồng ý trả cho bà Thái Kim L số tiền vay 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/01/2020 và đồng ý trả lãi suất từ ngày 15/9/2020 đến nay với mức lãi suất là 0,8%/tháng, không đồng ý trả số tiền vay 820.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L.

Đối với hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 15/9/2020 giữa bà L và vợ chồng K thì ông cũng không có yêu cầu gì, hai bên sẽ tự thỏa thuận với nhau.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2020; Bản sao Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh K đứng tên; Bản sao Hai giấy biên nhận nhận tiền của ông K, bà B đề ngày 22/01/2020 và ngày 15/9/2020. Đối với các chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp thì bị đơn không thống nhất với biên nhận đề ngày 15/9/2020 do bị ép buộc ký tên chứ bị đơn không tự nguyện. Bị đơn đã

biết được các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp nên không yêu cầu sao chụp lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay là 1.320.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/9/2020 đến nay. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nơi cư trú bị đơn đều ở xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Thái Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Tuấn K và chị Đào Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay là 1.320.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/9/2020 đến nay; Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Vào ngày 22/01/2020, bà Thái Kim L có thỏa thuận cho anh Võ Tuấn K, chị Đào Thị B vay số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), việc vay tiền có xác lập biên nhận và có hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.125,1m^2, loại đất trồng lúa thuộc thửa số 215, tờ bản đồ số 7, tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/9/2019 cho anh Võ Tuấn K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 200m^2 đất ở và 112m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/12/2019 cho anh Võ Tuấn K.

[5] Việc vay số tiền 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/01/2020 đã được bị đơn thừa nhận nên đây thuộc tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với số tiền vay 820.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/9/2020, bị đơn thừa nhận có ký tên vào biên nhận đề ngày 15/9/2020 nhưng bị đơn cho rằng số tiền này thực tế bị đơn không có nhận mà đây là số tiền gốc 500.000.000 đồng của khoảng vay ngày 22/01/2020 và lãi suất do chưa trả nên bà L tự kê lên với tổng số tiền là 820.000.000 đồng, thời điểm ngày 15/9/2020 bị đơn không có khả năng trả nợ nữa nên bà L yêu cầu bị đơn phải ký tên vào nhiên nhận với số tiền là 820.000.000 đồng, bị đơn vẫn đồng ý nhưng sau khi ký tên vào biên nhận ngày 15/9/2020 thì bị đơn sơ ý không lấy lại biên nhận ngày 22/01/2020. Nay bà

L yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 820.000.000 đồng này thì bị đơn không đồng ý.

[7] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày số tiền vay 820.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu là không đúng, thực tế đây là số tiền lãi của khoảng vay 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/01/2020 do nguyên đơn tự kê và yêu cầu bị đơn ký tên nhưng bị đơn không có gì chứng minh, bị đơn trình bày số tiền vay 500.000.000 đồng có đóng lãi được 6 tháng, nghĩa là đóng lãi từ tháng 01/2020 đến tháng 7/2020, từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2020 thì không có đóng lãi, đến tháng 09/2020 thì hai bên xác lập biên nhận với số tiền 820.000.000 đồng.

[8] Như vậy, lời trình bày của bị đơn và người đại diện của bị đơn có sự mâu thuẫn với nhau, bị đơn trình bày khoảng tiền vay 820.000.000 đồng bao gồm tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 320.000.000 đồng, trong trường hợp kể từ ngày vay (ngày 22/01/2020) đến ngày 15/9/2020 mà bị đơn chưa trả lãi cho bà L thì số tiền lãi trong 08 tháng với mức 0,8%/tháng thực tế không đến số tiền 320.000.000 đồng; do đó, bị đơn cho rằng khoảng vay ngày 15/9/2020 là số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất là chưa phù hợp. Đối với lời trình bày của người đại diện của bị đơn cho rằng số tiền 820.000.000 đồng là tiền lãi của khoảng vay 500.000.000 đồng ngày 22/01/2020 lại càng không phù hợp.

[9] Do đó, Hội đồng xét xử xác định ngày 15/9/2020, hai bên đương sự có thỏa thuận vay số tiền 820.000.000 đồng là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại là có cơ sở.

[10] Đối với yêu cầu về lãi suất:

[10.1] Đối với khoảng vay 820.000.000 đồng ngày 15/09/2020, nguyên đơn rút lại yêu cầu lãi suất là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với lãi suất của khoảng vay 820.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/9/2020.

[10.2] Đối với khoảng vay 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/01/2020, các đương sự đều thừa nhận là hợp đồng vay có lãi suất 0,8%/tháng, bị đơn cho rằng đã đóng lãi đến tháng 7/2020 nhưng nguyên đơn lại cho rằng bị đơn đã đóng lãi đến tháng 8/2020 thì bị đơn vẫn đồng ý; Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn đến tháng 8/2020; Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi suất đối với số tiền 500.000.000 đồng với mức lãi suất 0,8%/tháng kể từ 22/9/2020 đến nay làm tròn là 27 tháng với số tiền là 108.000.000 đồng, do đó bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn từ tháng 9/2020 đến nay với mức lãi suất 0,8%/tháng với tổng số tiền là 108.000.000 đồng. Bị đơn cũng thống nhất trả số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 108.000.000 đồng.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Võ Tuấn K và chị Đào Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thái Kim L tổng số tiền vay

1.320.000.000 đồng và lãi suất là 108.000.000 đồng; tổng cộng là 1.428.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với lãi suất của khoảng vay 820.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/9/2020.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2020 thì các đương sự thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Kim L. Buộc anh Võ Tuấn K và chị Đào Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Thái Kim L số tiền vay 1.320.000.000 đồng và lãi suất là 108.000.000 đồng; tổng cộng là 1.428.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với lãi suất của khoảng vay 820.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/9/2020.

3. Về án phí:

- Buộc anh Võ Tuấn K và chị Đào Thị B phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 54.840.000 đồng (năm mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Bà Thái Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.443.000 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009840 ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Trường Chinh